TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS-ST
Ngày: 05 - 01 - 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Hồ**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phùng Văn Long.**
2. Bà **Châu Bích Phượng.**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Anh Thư**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang: Không tham gia.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 391/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1982.
Địa chỉ: ấp C, xã TP, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2/ *Bị đơn*: **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1971
Địa chỉ: ấp C, xã TP, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nguyên đơn Nguyễn Văn T trình bày:*

Do chỗ quen biết nên anh Nguyễn Văn T có cho bà Nguyễn Thị G vay tiền nhiều lần đều có làm biên nhận mượn tiền, cụ thể như sau:

- Ngày 04/7/2022 vay 50.000.000đ, hẹn 01 tháng sẽ trả.
- Ngày 05/7/2022 vay 50.000.000đ, hẹn 01 tháng sẽ trả.
- Ngày 27/8/2022 vay 30.000.000đ, hẹn 01 tháng sẽ trả.
- Ngày 06/11/2022 vay 20.000.000đ, hẹn 01 tháng sẽ trả.
- Ngày 27/12/2022 vay 100.000.000đ, hẹn 01 tháng sẽ trả.

Tổng cộng bà G vay của anh T số tiền 250.000.000đ có làm giấy mượn tiền có chữ ký của bà G. Từ khi mượn tiền đến nay bà G không trả cho anh T bất cứ khoản tiền nào, anh T nhiều lần yêu cầu bà G trả tiền nhưng bà G không thực hiện. Do vậy anh T khởi kiện yêu cầu bà G có nghĩa vụ trả số tiền nợ 250.000.000đ.

Phía bị đơn bà Nguyễn Thị G vắng mặt nên Tòa án không thể thu thập ý kiến bà G về yêu cầu khởi kiện của anh T.

Tại phiên tòa sơ thẩm.

Nguyên đơn Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà G có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền 250.000.000đ, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi suất.

Phía bị đơn bà Nguyễn Thị G vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] ***Về quan hệ pháp luật tranh chấp:*** Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay chưa thanh toán theo thỏa thuận. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là Hợp đồng vay tài sản theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] ***Về nội dung yêu cầu khởi kiện:***

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Văn T cung cấp chứng cứ là các Giấy mượn tiền ngày 04/7/2022, 05/7/2022, 27/8/2022, 06/11/2022 và 27/12/2022; Nội dung có ghi thời điểm xác lập hợp đồng, số tiền vay, được bà G ký và ghi rõ họ tên; Bản tự khai của nguyên đơn trình bày chi tiết số tiền vay. Xét thấy bản hợp đồng cho mượn tiền các bên tự nguyện thỏa thuận ký kết, về hình thức và nội dung hợp đồng trên phù hợp pháp luật

Tòa án đã thông báo cho bà G các chứng cứ nguyên đơn làm căn cứ khởi kiện nhưng bà G không có văn bản phản đối. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết nguyên đơn đã cung cấp là đúng sự thật. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà G đã vay và còn nợ anh T số tiền là 250.000.000đ vốn vay theo hợp đồng là phù hợp với qui định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu thanh toán số tiền vốn vay: Xét thấy anh T đã nhiều lần yêu cầu bà G trả số tiền vốn vay 250.000.000đ cho anh T nhưng bà G không thực hiện. Như vậy, nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là hoàn toàn do lỗi của bà G, do không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn theo đúng thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T.

Đối với lãi suất do anh T không có yêu cầu bà G trả lãi suất, đây là ý chí tự nguyện của anh T, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy buộc bà G có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền 250.000.000đ tiền vốn là có cơ sở, phù hợp với qui định của pháp luật.

[4] Về án phí:

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể:

250.000.000đ x 05% = 12.500.000đ.

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 92, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 357, 463, 464, 465, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn T.

Buộc bị đơn Nguyễn Thị G có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Nguyễn Văn T số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu).

Kể từ ngày nguyên đơn Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu Thi hành án nếu bị đơn Nguyễn Thị G chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo qui định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Nguyễn Thị G phải chịu 12.500.00đ

- Trả cho nguyên đơn Nguyễn Văn T 6.250.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006568 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND.TG
- VKSND.HCT
- Chi cục THADS.HCT.
- Các Đ/S.
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Nguyễn Ngọc Hồ